

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06 /UBND-TH
V/v triển khai thực hiện Nghị
quyết về nhiệm vụ giải pháp chủ
yếu thực hiện Kế hoạch phát triển
kinh tế - xã hội và Dự toán ngân
sách nhà nước năm 2021

Kiên Giang, ngày 05 tháng 01 năm 2021

Kính gửi:

- Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành tỉnh;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Ngày 01/01/2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về nhiệm vụ giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu: (1) Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các Sở, ngành và các đơn vị có liên quan, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Chương trình, Kế hoạch hành động và các văn bản cụ thể triển khai thực hiện theo yêu cầu của Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ, kết quả thực hiện Sở Kế hoạch và Đầu tư lập thành văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh, **hoàn thành trước ngày 15/01/2021**. (2) Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao, căn cứ các nội dung của Nghị quyết và chỉ đạo của Bộ ngành, Trung ương triển khai thực hiện các công việc có liên quan và báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh.

Nhận được Công văn này yêu cầu Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thực hiện./. H2

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- LĐVP;
- CVNC;
- Lưu: VT, pxquyet.

CHỦ TỊCH



Handwritten signature of Lâm Minh Thành

Lâm Minh Thành



CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/NQ-CP

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch
phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội: số 124/2020/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2020 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021; số 128/2020/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2020 về Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021,

QUYẾT NGHỊ:

Năm 2020, trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhất là tác động, ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid-19 và thiên tai, bão lũ, nhưng nhờ sự vào cuộc tích cực với quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, kịp thời, hiệu quả của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và sự nỗ lực của các cấp, các ngành, người dân và doanh nghiệp dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước ta đã đạt được những kết quả ấn tượng, toàn diện trên các lĩnh vực, thực hiện thành công “mục tiêu kép” vừa phòng, chống dịch Covid-19, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và đời sống, sức khỏe của nhân dân; tăng trưởng kinh tế đạt 2,91%, là một trong số ít nền kinh tế có mức tăng trưởng dương trên thế giới và khu vực, trong khi giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Quốc phòng, an ninh được tăng cường; trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; vị thế, uy tín của nước ta trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên. Niềm tin của Nhân dân vào Đảng, Nhà nước được củng cố, tạo không khí phấn khởi trong toàn xã hội. Năm 2020 được xem là năm thành công hơn năm 2019 và là năm thành công nhất trong 5 năm qua với những kết quả, thành tích đặc biệt, góp phần tô đậm thành tựu của cả nhiệm kỳ 2016-2020.

Năm 2021 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tổ chức Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử Quốc hội khóa XV, bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp và là năm đầu tiên thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và các kế hoạch 5 năm trên các lĩnh vực theo các nghị quyết của Đảng, Quốc hội. Dự báo tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, cạnh tranh chiến lược giữa một số quốc gia, đối tác trên thế giới và trong khu vực tiếp tục diễn ra gay gắt. Đại dịch Covid-19 chưa thể sớm kết thúc, tác động tiêu cực có thể kéo dài, ảnh hưởng đến nhiều ngành, lĩnh vực, nhất là đối với đầu tư, thương mại, dịch vụ, du lịch, vận

tài hàng không. Ở trong nước, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi và được kế thừa những thành tựu quan trọng của 35 năm đổi mới, tác động của dịch bệnh, biến đổi khí hậu, thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn tiếp tục diễn biến phức tạp; yêu cầu cho đầu tư phát triển, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an sinh xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh rất lớn trong khi nguồn lực còn hạn chế. Các xu hướng mới về dịch chuyển đầu tư, thương mại, chuyển đổi số, cùng với sự thay đổi nhanh chóng của các mô hình kinh doanh, phương thức sản xuất, tiêu dùng, giao tiếp xã hội, khoa học công nghệ... vừa là thời cơ, vừa là thách thức, đòi hỏi chúng ta tuyệt đối không chủ quan, tiếp tục đổi mới tư duy phát triển, hành động quyết liệt, hiệu quả hơn, biến thách thức thành cơ hội, nỗ lực phấn đấu với quyết tâm cao thực hiện thành công toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2021, củng cố niềm tin của người dân, doanh nghiệp, tạo nền tảng vững chắc để đất nước phát triển nhanh và bền vững trong thời gian tới theo các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội.

I. PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG VÀ TRỌNG TÂM CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA CHÍNH PHỦ

Kế thừa những kết quả quan trọng, toàn diện đã đạt được, phát huy tinh thần đoàn kết, chung sức đồng lòng của cả hệ thống chính trị, với niềm tin, khát vọng vươn lên mạnh mẽ, quyết tâm vượt qua khó khăn, thách thức, tận dụng tốt thời cơ, nỗ lực phấn đấu hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, tạo nền tảng vững chắc cho việc thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2021-2025, Chính phủ xác định phương châm hành động của năm 2021 là *“Đoàn kết, kỷ cương, đổi mới, sáng tạo, khát vọng phát triển”* với 08 trọng tâm chỉ đạo điều hành như sau:

1. Chuẩn bị chu đáo, kỹ lưỡng để phục vụ tổ chức thành công Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử Quốc hội khoá XV và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Quyết liệt hành động, có chương trình, kế hoạch cụ thể thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030 ngay trong năm đầu của nhiệm kỳ.

2. Tiếp tục thực hiện quyết liệt, linh hoạt, hiệu quả “mục tiêu kép” vừa phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe nhân dân, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong trạng thái bình thường mới. Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả các chính sách tài khóa, tiền tệ và các chính sách khác để kích thích tổng cầu phù hợp, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng; đồng thời giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. Theo dõi sát diễn biến tình hình trong nước và quốc tế, kịp thời dự báo và chuẩn bị phương án, kịch bản, biện pháp, đối sách ứng phó hiệu quả với những biến động, vấn đề mới phát sinh.

3. Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập; giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội, giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Huy động, sử dụng các nguồn lực theo cơ chế thị trường. Nâng cao kỷ cương, hiệu quả

trong xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật gắn với thực thi nghiêm pháp luật. Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại. Xây dựng bộ máy Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

4. Quyết liệt thực hiện cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm hiệu quả, thực chất gắn với đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số quốc gia, cung cấp các dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, thuận lợi hơn, thu hút mạnh mẽ đầu tư, thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

5. Phát huy mạnh mẽ giá trị văn hoá, trí tuệ con người Việt Nam; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, ý chí tự cường, niềm tự hào dân tộc. Đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; chú trọng phát triển nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh thu hút, trọng dụng nhân tài. Phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ; làm chủ một số công nghệ mới, công nghệ có tính chiến lược. Chú trọng bảo đảm an sinh xã hội và cải thiện đời sống nhân dân. Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu.

6. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, hiện đại, đặc biệt là về giao thông, năng lượng, đô thị lớn, ứng phó với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh, đồng bộ hạ tầng số, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án quan trọng, công trình trọng điểm quốc gia, các dự án liên kết vùng, bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước; tăng cường, nâng cao hiệu quả liên kết vùng, phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị lớn.

7. Cùng cố quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển nhanh, bền vững; nâng cao vị thế, uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

8. Làm tốt công tác thông tin, truyền thông, kịp thời phản ánh, lan tỏa các nhân tố tích cực, góp phần củng cố niềm tin, tạo đồng thuận trong toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội đề ra.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Triển khai hiệu quả các nhiệm vụ phục vụ tổ chức Đại hội Đảng, bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp; chuẩn bị, ban hành và triển khai ngay các chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Đảng, Quốc hội

a) Triển khai đồng bộ, kịp thời, hiệu quả chương trình, kế hoạch công tác phục vụ tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử Quốc hội khoá XV và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

b) Xây dựng, ban hành ngay các chương trình hành động, kế hoạch công tác để tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ

XIII và các kết luận, nghị quyết của Đảng, Quốc hội.

c) Xây dựng, triển khai quyết liệt, hiệu quả một số nhiệm vụ, giải pháp đột phá chiến lược, các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, các kế hoạch 5 năm trên các lĩnh vực, trong đó có cơ cấu lại nền kinh tế, tài chính, đầu tư công.

2. Tiếp tục thực hiện linh hoạt, hiệu quả “mục tiêu kép” vừa phòng, chống đại dịch Covid-19, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong trạng thái bình thường mới

a) Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền nâng cao ý thức phòng, chống dịch, tuyệt đối không chủ quan trước dịch bệnh; tiếp tục củng cố trạng thái bình thường mới. Kiểm soát phù hợp người nhập cảnh, ngăn chặn hiệu quả nguồn bệnh xâm nhập từ bên ngoài. Xem xét mở lại các đường bay thương mại quốc tế khi điều kiện cho phép, bảo đảm phù hợp với yêu cầu phòng, chống dịch Covid-19. Đẩy nhanh việc nghiên cứu, hợp tác quốc tế trong phát triển vắc-xin và có giải pháp để người dân tiếp cận vắc-xin phòng dịch Covid-19 sớm nhất.

b) Chủ động bố trí nguồn lực và triển khai các giải pháp phù hợp, kịp thời (trong đó có các giải pháp tín dụng, tài chính, ngân sách nhà nước, thuế, phí, lệ phí...) để tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân, người lao động bị mất việc, thiếu việc làm, giảm sâu thu nhập do đại dịch Covid-19 và khôi phục sản xuất, kinh doanh, nhất là trong các ngành công nghiệp, dịch vụ, du lịch, hàng không...

3. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo thuận lợi cho phục hồi và thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn; nâng cao khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế

a) Triển khai nghiêm túc, hiệu quả Kết luận số 83-KL/TW ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Bộ Chính trị về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020. Tăng cường kỷ cương, nâng cao hiệu quả trong công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật gắn với thực thi nghiêm pháp luật. Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, nhất là các văn bản có quy định liên quan đến điều kiện đầu tư, kinh doanh, thủ tục hành chính, chế độ báo cáo, kiểm tra chuyên ngành, tiêu chuẩn, quy chuẩn. Kịp thời ban hành các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật mới ban hành, bảo đảm chất lượng và giảm thiểu số lượng văn bản ban hành.

b) Rà soát sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật, các cơ chế, chính sách, nhất là trong lĩnh vực ngân sách nhà nước, thuế, đất đai, tài nguyên, môi trường, đầu tư, xây dựng, thương mại, quản lý thị trường... để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, giải phóng các nguồn lực cho phát triển, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, thuận lợi. Đẩy mạnh phát triển các thị trường tài chính, chứng khoán, bảo hiểm; tăng cường quản lý thị trường trái phiếu doanh nghiệp. Phát triển thị trường lao động theo hướng minh bạch, cạnh tranh và hội nhập, đa dạng các hình thức kết nối cung - cầu lao động, sử dụng hợp lý và hiệu quả nguồn nhân lực.

c) Tập trung hoàn thiện quy định pháp luật, đẩy nhanh tiến độ thực hiện cơ chế tự chủ và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp

công lập. Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật để làm cơ sở cho việc xác định giá dịch vụ sự nghiệp công.

d) Điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, bảo đảm an toàn hệ thống; phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách khác nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ phục hồi tăng trưởng phù hợp với mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Điều hành tăng trưởng tín dụng hợp lý gắn với nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên; phát huy hiệu quả tín dụng chính sách; triển khai các giải pháp hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Phát triển đa dạng sản phẩm tín dụng ngân hàng, góp phần hạn chế tín dụng đen và cho vay nặng lãi.

đ) Đẩy mạnh cơ cấu lại ngân sách nhà nước và tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách, chống thất thu, chuyển giá, trốn lậu thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế. Hiện đại hóa hệ thống thuế, hải quan, kho bạc nhà nước, mở rộng triển khai hóa đơn điện tử. Ưu tiên dành nguồn lực cho đầu tư phát triển; triệt để tiết kiệm các khoản chi chưa thật cần thiết, nhất là chi thường xuyên, giảm tối đa kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước. Rà soát, tổ chức sắp xếp lại, đổi mới cơ chế hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Tiếp tục thực hiện cơ chế tài chính đặc thù đối với một số cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước cho tới khi thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nợ công, không để ảnh hưởng đến xếp hạng tín nhiệm quốc gia.

e) Công khai, minh bạch trong điều hành đối với giá điện, xăng dầu cũng như các hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu khác có ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh và tiêu dùng của người dân. Bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa thiết yếu, ổn định giá cả thị trường, nhất là trong dịp Lễ, Tết. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm hành vi tăng giá bất hợp lý, đầu cơ găm hàng, thao túng thị trường và hàng giả; có các giải pháp đồng bộ, kịp thời để đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, gian lận xuất xứ, không để ảnh hưởng tới thương mại quốc gia, bảo vệ phù hợp sản xuất và tiêu dùng trong nước.

g) Thúc đẩy mở rộng, đa dạng hóa thị trường xuất, nhập khẩu, không để phụ thuộc quá lớn vào một thị trường. Tăng cường xúc tiến thương mại gắn với đẩy mạnh xây dựng thương hiệu hàng Việt Nam. Chủ động giải quyết hài hòa quan hệ thương mại với các đối tác lớn. Hỗ trợ doanh nghiệp kết nối qua các nền tảng số, xuất khẩu qua các nền tảng thương mại điện tử lớn. Triển khai hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký kết; kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp vừa và nhỏ để khai thác và tận dụng các ưu đãi; tiếp tục đàm phán, ký kết các FTA với các đối tác. Tăng cường các biện pháp phòng vệ, xây dựng và vận hành hiệu quả Hệ thống cảnh báo sớm về phòng vệ thương mại phù hợp với các cam kết quốc tế để bảo vệ sản xuất trong nước và hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó với các vụ kiện phòng vệ thương mại của nước ngoài.

h) Chú trọng phát triển thị trường trong nước, đẩy mạnh lưu thông và kích thích tiêu dùng hàng Việt Nam. Nâng cao tính kết nối giữa sản xuất với thị trường theo chuỗi cung ứng; phát triển hệ thống phân phối thông qua các Đề án phát

triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Phát triển đa dạng, phù hợp các loại hình kết cấu hạ tầng thương mại, kết hợp hài hòa giữa hạ tầng thương mại truyền thống và hạ tầng thương mại hiện đại. Chú trọng xây dựng, hoàn thiện thể chế và tạo thuận lợi phát triển mạnh thương mại điện tử, tăng cường quản lý thương mại điện tử xuyên biên giới; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm trong hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, sàn giao dịch thương mại điện tử.

4. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tính tự chủ và sức cạnh tranh của nền kinh tế dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo

a) Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng các ngành chế biến, chế tạo và giảm tỷ trọng gia công, lắp ráp; tập trung phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ mới, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ... Tập trung phát triển mạnh công nghiệp chế biến, chế tạo gắn với công nghệ thông minh, chuyển đổi số để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Thúc đẩy tiến độ các dự án công nghiệp lớn, có tác động lan toả.

b) Cơ cấu lại ngành nông nghiệp phù hợp với từng vùng miền gắn với phát triển kinh tế nông thôn và bảo đảm đời sống của nông dân, người làm nông nghiệp; thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn theo nhu cầu thị trường, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, ứng dụng công nghệ cao, gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị. Khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, sạch, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp, bảo đảm hiệu quả và an ninh lương thực vững chắc; đẩy mạnh tái đàn lợn, mở rộng chăn nuôi áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt VietGAP, bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học, thân thiện với môi trường. Theo dõi chặt chẽ diễn biến dịch bệnh, thiên tai để chủ động có các biện pháp phòng, chống hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại. Đẩy mạnh khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng mới, ưu tiên trồng rừng gỗ lớn; nâng cao hiệu quả và tăng trưởng kinh tế lâm nghiệp. Đầu tư hạ tầng thủy sản, đa dạng hóa đối tượng và phương thức nuôi trồng thủy sản; đẩy mạnh nuôi biển, khai thác thủy sản xa bờ gắn liền với bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản theo quy định và thông lệ quốc tế. Xây dựng chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Tiếp tục cơ cấu lại lĩnh vực dịch vụ vận tải theo hướng tăng thị phần các phương thức vận tải đường thủy nội địa và đường sắt; chú trọng phát triển vận tải đa phương thức; nâng cao năng lực và giảm chi phí dịch vụ logistics. Triển khai đồng bộ, linh hoạt các chính sách kích cầu, phục hồi du lịch nội địa; nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh. Phát triển thị trường thông tin và truyền thông bền vững; tập trung phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

d) Tổ chức xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tập trung nguồn lực thúc đẩy quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng. Tập trung hoàn thành và nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, đặc biệt các dự án quy mô lớn. Quyết liệt thực hiện các

giải pháp về đẩy mạnh giải ngân, gắn với nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công ngay từ đầu năm; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả giải ngân; kiên quyết cắt giảm, điều chuyển vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước của các bộ, ngành, địa phương và các dự án chậm giải ngân sang các bộ, ngành, địa phương và các dự án có khả năng giải ngân tốt hơn.

d) Tiếp tục chỉ đạo cơ cấu lại các tổ chức tín dụng, đặc biệt là các tổ chức tín dụng yếu kém; củng cố, chấn chỉnh hệ thống quỹ tín dụng nhân dân; tăng cường kiểm soát chất lượng tín dụng, hạn chế nợ xấu phát sinh, nhất là trong bối cảnh diễn biến phức tạp của dịch Covid-19. Tăng cường thanh tra, giám sát hoạt động của tổ chức tín dụng, đặc biệt là đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao.

e) Tiếp tục rà soát, thu hẹp phù hợp các ngành, lĩnh vực kinh doanh mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, thúc đẩy sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp và cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện. Xây dựng và áp dụng khung quản trị doanh nghiệp phù hợp với chuẩn mực quốc tế tại các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước. Chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương về quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp, bảo đảm công khai, minh bạch. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan. Tập trung xử lý dứt điểm các dự án thua lỗ, kém hiệu quả, nhất là các dự án ngành công thương.

g) Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, xây dựng và hoàn thiện khung khổ pháp lý cho các loại hình kinh doanh mới, kinh tế số, cung cấp dịch vụ công. Ban hành chính sách thử nghiệm (Sandbox) các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh, công nghệ mới, như: kinh tế chia sẻ, kinh tế ban đêm, đô thị thông minh,... đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển của nền kinh tế. Đẩy nhanh và triển khai toàn diện chương trình hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp Việt Nam, trong đó chú trọng doanh nghiệp nhỏ và vừa. Xây dựng hạ tầng kinh tế số, xã hội số, hạ tầng kết nối thông minh, phát triển trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật. Từng bước hình thành hạ tầng mạng thông tin di động 5G. Tăng cường sử dụng chung cơ sở hạ tầng công nghệ số và truyền thông, nền tảng dùng chung.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số gắn với hoàn thiện thể chế, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng. Phát triển, hoàn thiện các hệ thống thông tin, các cơ sở dữ liệu nền tảng, cốt lõi của Chính phủ điện tử; đẩy mạnh kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu. Tăng cường sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số, xử lý công việc trên môi trường mạng và họp trực tuyến; triển khai các chế độ báo cáo, chỉ tiêu kinh tế - xã hội trên Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, kết nối với Trung tâm thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục tái cấu trúc quy trình để tích hợp, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và đẩy mạnh tích hợp dịch vụ thanh toán trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Khẩn trương triển khai việc kết nối chia sẻ dữ liệu hành chính giữa các cơ quan quản lý nhà nước để hình thành hệ thống thông tin thống kê quốc gia phục vụ quản lý, điều hành các cấp.

h) Phát triển mạnh và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, nòng cốt là hợp tác

xã. Lựa chọn, nhân rộng các mô hình hợp tác xã điển hình, có quy mô phù hợp, hiệu quả. Phát triển mạnh kinh tế tư nhân, kết hợp hài hòa giữa hiệu quả kinh tế với trách nhiệm xã hội và bảo vệ tài nguyên, môi trường, thúc đẩy liên kết doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Khuyến khích phát triển doanh nghiệp tư nhân có quy mô vừa và lớn, xây dựng thương hiệu của doanh nghiệp Việt Nam; thúc đẩy khởi nghiệp, sáng tạo, hỗ trợ phù hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa để khai thác thị trường nội địa và tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu.

5. Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; đẩy nhanh tiến độ lập, phê duyệt quy hoạch, triển khai các dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm; phát triển mạnh kinh tế biển; tăng cường liên kết vùng; phát huy vai trò các vùng kinh tế trọng điểm, đô thị lớn; đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới

a) Tăng cường huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư, chú trọng phát huy nội lực của nền kinh tế, đồng thời tiếp tục huy động vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, thu hút có chọn lọc các nguồn lực đầu tư từ bên ngoài, nhất là các luồng vốn FDI dịch chuyển trong khu vực và toàn cầu. Đẩy mạnh đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

b) Tập trung nguồn lực cho các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm như đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, Biên Hòa - Vũng Tàu, một số công trình trọng điểm, giao thông liên vùng ở phía Bắc, nhất là ở vùng Tây Bắc; đẩy nhanh thực hiện thu phí sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử không dừng; tập trung đầu tư giai đoạn 1 cảng hàng không quốc tế Long Thành, đầu tư, mở rộng các cảng hàng không quốc tế: Tân Sơn Nhất, Nội Bài, Đà Nẵng. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, nâng cấp các tuyến đường ven biển kết nối liên vùng và các khu kinh tế, đô thị lớn ven biển cả nước. Tiếp tục phát triển hệ thống cảng biển quốc gia, cảng cửa ngõ quốc tế tại các vùng kinh tế trọng điểm; đầu tư hạ tầng các khu kinh tế ven biển được xác định ưu tiên phát triển. Phát triển phù hợp hạ tầng kinh tế xã hội nông thôn, miền núi, vùng khó khăn để tạo tiền đề thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn.

c) Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án trọng điểm ngành điện, huy động tối đa các nguồn lực bảo đảm cung ứng đủ điện cho sản xuất và sinh hoạt, tuyệt đối không để thiếu điện. Bảo đảm tăng trưởng điện phù hợp với tăng trưởng kinh tế. Khuyến khích sự tham gia mạnh mẽ của khu vực kinh tế ngoài nhà nước, đa dạng hóa phát triển nguồn cung năng lượng, bảo đảm hiệu quả, bền vững. Thực hiện các giải pháp nhằm giảm tổn thất điện năng, tiết kiệm, sử dụng hiệu quả điện trong sản xuất, truyền tải và phân phối. Rà soát các thủy điện nhỏ và vừa, bảo đảm cơ cấu hợp lý giữa các nguồn điện gắn với vấn đề bảo vệ môi trường.

d) Đẩy nhanh việc lập và phê duyệt các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn giai đoạn 2021-2030. Bảo đảm mặt bằng cho thu hút đầu tư, phát triển sản xuất. Thúc đẩy liên kết nội vùng, liên vùng, hội nhập quốc tế, khai thác chức năng đặc thù các vùng, phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm, đô thị lớn. Phát triển mạnh kinh tế biển, bảo đảm cuộc sống người dân gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo.

đ) Tăng cường quản lý phát triển đô thị, xử lý hiệu quả các vấn đề giao thông, ngập úng, môi trường và rác thải đô thị. Tiếp tục rà soát, cập nhật hoàn

thiện cơ sở dữ liệu đô thị.

e) Rà soát, hoàn thiện khung khổ pháp luật, cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới; bố trí nguồn lực phù hợp cho xây dựng nông thôn mới. Nâng cao chất lượng phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp”.

6. Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ

a) Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động, nhất là ở nông thôn. Có cơ chế phù hợp thu hút, trọng dụng và bồi dưỡng nhân tài, xây dựng đội ngũ tri thức trong thời kỳ mới.

b) Tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo. Rà soát, quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo trong cả nước; nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp. Bảo đảm chất lượng, tiến độ triển khai về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội. Tiếp tục triển khai hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông mới. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng cho học sinh, sinh viên; bảo đảm an toàn trường học. Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước và thực hiện quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình đối với cơ sở giáo dục. Tăng cường công tác quản trị nhà trường; thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục, đào tạo.

c) Triển khai hiệu quả cơ chế, chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp. Đổi mới phương pháp đào tạo theo hướng hiện đại, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin. Chú trọng phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, đào tạo, đào tạo lại, chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tăng cường các hoạt động đào tạo nghề nghiệp cho người dân tộc thiểu số, người khuyết tật và các nhóm yếu thế khác trong xã hội; xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình khởi sự, khởi nghiệp, xúc tiến việc làm cho học sinh, sinh viên.

d) Tiếp tục thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ nghiên cứu phục vụ sản xuất và đời sống, nhất là công tác phòng, chống đại dịch Covid-19, đặc biệt là nghiên cứu sản xuất vắc-xin. Nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ. Cơ cấu lại và tổ chức triển khai hiệu quả các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia. Đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tạo thuận lợi cho các nhà khoa học, sự tham gia của doanh nghiệp; hoàn thiện cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia và sự gắn kết, hợp tác giữa các trường đại học, viện nghiên cứu với khu vực công nghiệp và doanh nghiệp, phát huy vai trò hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo. Có cơ chế, chính sách để thu hút mạnh các nguồn lực khoa học công nghệ cao từ các tập đoàn hàng đầu thế giới.

7. Phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế

a) Tiếp tục thực hiện tốt Kết luận số 76-KL/TW ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Hội

ngợi Trung ương 9 khoá XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Ưu tiên nguồn lực cho trồng tu, tôn tạo, phát huy các giá trị di sản văn hóa. Xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, thực hiện tốt nếp sống văn minh trong lễ hội, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động sáng tạo văn hóa, nghệ thuật nhằm nâng cao mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân... Xây dựng cơ sở dữ liệu về gia đình; tăng cường giải pháp quản lý và cung cấp dịch vụ công về gia đình.

b) Nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”; đa dạng các hình thức tổ chức tập luyện thể dục, thể thao ở cơ sở; đổi mới nội dung, phương pháp tổ chức các hoạt động thể dục thể thao quần chúng. Tăng cường bồi dưỡng, đào tạo tài năng thể thao, nâng cao trình độ, thành tích của thể thao thành tích cao; chuẩn bị các điều kiện và tổ chức tốt việc đăng cai SeaGames 31 và ASEAN Para Games 11.

c) Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới và Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới. Phát triển mạng lưới y tế cơ sở đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Tập trung theo dõi, quản lý sức khỏe người dân, tăng cường khám chữa bệnh từ xa, chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới. Nâng cao năng lực của hệ thống y tế dự phòng; nghiên cứu, sản xuất, kiểm nghiệm, kiểm định thuốc, vắc-xin, sinh phẩm, trang thiết bị y tế để chủ động trong phòng, chống và điều trị dịch, bệnh. Bảo đảm an ninh y tế, an toàn thực phẩm. Nâng cao chất lượng tiêm chủng, khám, chữa bệnh, đổi mới đào tạo nhân lực y tế, thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số y tế, tăng mức hài lòng của người dân. Kết hợp chặt chẽ y học cổ truyền với y học hiện đại. Tiếp tục thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế gắn với lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân; tăng cường phân cấp, tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình, bảo đảm công khai, minh bạch. Duy trì vững chắc mức sinh thay thế trong cả nước, giảm mất cân bằng giới tính khi sinh. Nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và bà mẹ, trẻ em.

d) Triển khai thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020. Phát triển hệ thống chính sách xã hội toàn diện, bao trùm và bền vững, bảo đảm bình đẳng về cơ hội tiếp cận. Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình, đề án giải quyết việc làm; triển khai thực hiện chính sách việc làm công, chính sách hỗ trợ cho thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp. Hỗ trợ tạo việc làm, cải thiện điều kiện làm việc cho lao động trong khu vực phi chính thức, nhóm lao động yếu thế. Tiếp tục mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới; bảo đảm an toàn lao động. Nâng cao nhận thức của người lao động, người sử dụng lao động trong việc thực hiện chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

đ) Hoàn thiện phương pháp tiếp cận đo lường nghèo đa chiều gắn với các mục tiêu phát triển bền vững giai đoạn 2021-2025. Nhân rộng các mô hình giảm

nghèo hiệu quả, phát huy sáng kiến giảm nghèo dựa vào cộng đồng. Tăng cường vận động, khơi dậy ý chí vươn lên chủ động thoát nghèo. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình, đề án giảm nghèo theo hướng bền vững, bao trùm, tăng khả năng tiếp cận của đối tượng thụ hưởng và sự tham gia của người nghèo.

e) Thực hiện đầy đủ, hiệu quả, công khai, minh bạch chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, bảo đảm thanh toán chi trả thuận lợi, an toàn, khuyến khích chi trả thông qua tổ chức dịch vụ bưu chính công ích. Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe đối với người có công với cách mạng. Tiếp tục thực hiện Đề án xác định hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin; hoàn thiện cơ sở dữ liệu về liệt sỹ, thân nhân liệt sỹ, mộ và nghĩa trang liệt sỹ. Đẩy mạnh các phong trào Đền ơn đáp nghĩa, “Uống nước nhớ nguồn”, huy động nguồn lực trong xã hội cùng chính sách hỗ trợ của Nhà nước để chăm sóc tốt hơn đời sống của người có công với cách mạng, nhất là hỗ trợ về nhà ở.

g) Thực hiện hiệu quả các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội. Phát triển mô hình chăm sóc người có hoàn cảnh đặc biệt tại cộng đồng, khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân vào triển khai các mô hình chăm sóc người cao tuổi, trẻ mồ côi, người khuyết tật. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết, chi trả chính sách bảo hiểm, an sinh xã hội cho người dân. Thúc đẩy phát triển nhà ở xã hội tại khu vực đô thị, nhà ở cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp, nhà ở cho thuê, nhà ở cho người thu nhập thấp, nhà ở thương mại giá thấp.

h) Thực hiện tốt quyền trẻ em, các Công ước quốc tế về quyền trẻ em mà Việt Nam đã phê chuẩn. Tăng cường truyền thông về thực hiện quyền trẻ em; bảo vệ trẻ em, phòng ngừa bạo lực, xâm hại trẻ em; giảm mạnh tỷ lệ trẻ em bị đuối nước. Phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu về trẻ em từ trung ương đến địa phương. Tăng cường đánh giá, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chính sách pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em. Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật Thanh niên năm 2020. Thực hiện tốt các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo và cơ quan dân cử. Đa dạng hóa truyền thông nâng cao nhận thức về bình đẳng giới; phòng chống bạo lực gia đình.

i) Quán triệt quan điểm, chủ trương của Đảng về vấn đề dân tộc, đoàn kết dân tộc; triển khai Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 và các nhiệm vụ về công tác dân tộc trong tình hình mới.

k) Làm tốt công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, nhất là ở cấp cơ sở; nghiên cứu chính sách tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo tham gia vận động thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh, phát triển kinh tế, xã hội. Tổ chức tốt các hoạt động đối ngoại tôn giáo. Bảo đảm an ninh trong tôn giáo, đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc, vu cáo của các thế lực thù địch.

l) Tiếp tục xử lý các điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông; nâng cao chất lượng công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, đăng kiểm phương tiện; tăng cường quản lý hoạt động kinh doanh vận tải, kiểm soát tải trọng phương tiện. Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền, giáo dục trên các

phương tiện thông tin đại chúng, phát động và thực hiện phong trào toàn dân tham gia phòng, chống tệ nạn xã hội.

8. Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu; tăng cường phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai

a) Hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách, pháp luật về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu. Tháo gỡ khó khăn, nhất là về thủ tục hành chính; sửa đổi, bổ sung các quy định, trình tự, thủ tục chưa rõ ràng, chồng chéo, bảo đảm đồng bộ, khả thi, công khai, minh bạch, nhất là trong quản lý, khai thác, sử dụng đất, nước, tài nguyên thiên nhiên. Tập trung xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về đất đai, thực hiện kết nối liên thông với cơ quan thuế. Đẩy mạnh giải quyết, sắp xếp đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh. Tăng cường công tác điều tra và đánh giá rừng và tài nguyên nước. Quản lý chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên hiện có, nâng cao độ che phủ và chất lượng rừng. Tăng cường hợp tác quốc tế và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên nước. Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên nước gắn với chiến lược an ninh nguồn nước; bảo đảm cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh cho nhân dân, nhất là người dân nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số. Xử lý nghiêm vi phạm trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

b) Triển khai hiệu quả Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi. Hoàn thiện cơ chế đề thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn. Kiểm soát chặt chẽ môi trường các khu công nghiệp, làng nghề. Tăng cường các biện pháp phòng ngừa các nguy cơ xảy ra sự cố môi trường. Thúc đẩy, thu hút đầu tư, xử lý tái chế rác thải bằng công nghệ chế biến, công nghệ sinh học thay cho chôn lấp trực tiếp. Khôi phục môi trường các lưu vực sông; cải thiện môi trường không khí ở đô thị; bảo tồn và phát triển các hệ sinh thái đặc hữu.

c) Tích cực triển khai Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Bí thư về Đề án tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu. Nghiên cứu xây dựng giải pháp tổng thể phòng, chống thiên tai ở các vùng chịu nhiều rủi ro thiên tai; tập trung nguồn lực cho phát triển Đồng bằng sông Cửu Long và các vùng chịu nhiều tác động của biến đổi khí hậu. Xây dựng bản đồ cảnh báo vùng có nguy cơ trượt lở, sụt lún ở tỷ lệ lớn. Đẩy mạnh xã hội hóa, nâng cao năng lực quan trắc, dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, trọng tâm là dự báo, cảnh báo các thiên tai liên quan đến bão, áp thấp nhiệt đới, lũ, lũ quét, sạt lở đất. Nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn; tăng cường truyền thông và nhận thức cộng đồng, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, hoàn thiện công cụ hỗ trợ chỉ đạo điều hành phòng, chống thiên tai; tổ chức có hiệu quả quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

9. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng hệ thống hành chính nhà nước kiến tạo, phát triển, liêm chính, hành động quyết liệt, phục vụ nhân dân; tăng cường phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và giải quyết khiếu nại, tố cáo

a) Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước phù hợp theo ngành và lĩnh vực bảo đảm quản lý thống nhất, phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các cấp, các ngành, các địa phương. Rà soát, kiện toàn các cơ quan hành chính nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Quản lý chặt chẽ việc sắp xếp, điều chỉnh, thành lập mới và phân loại đơn vị hành chính các cấp.

b) Thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Triển khai Đề án cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính nhà nước, Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan trong hệ thống chính trị đến năm 2030, Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức; chú trọng bồi dưỡng công chức theo các ngạch, bậc, tiêu chuẩn chức danh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong thi tuyển và thi nâng ngạch công chức, bảo đảm công khai, minh bạch. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống bảng lương mới theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo; sắp xếp lại các chế độ phụ cấp hiện hành; hoàn thiện cơ chế quản lý tiền lương và thu nhập.

c) Tiếp tục chú trọng cải cách thủ tục hành chính; đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tiết giảm chi phí và tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức. Đẩy nhanh tiến độ và triển khai có hiệu quả Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025 của Chính phủ. Tiếp tục đổi mới hoạt động kiểm tra chuyên ngành theo hướng tập trung đầu mối, phân định rõ thẩm quyền, chuyển mạnh từ cơ chế “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”.

d) Tạo chuyển biến cơ bản, bền vững, thực chất công tác thi hành án dân sự, hành chính. Tập trung giải quyết các vụ việc trọng điểm, các vụ việc phức tạp, kéo dài. Tiếp tục triển khai đồng bộ các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, trong đó tập trung hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp chịu tác động nặng nề của đại dịch Covid-19. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, bảo đảm phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân; đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc.

đ) Tăng cường thanh tra công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực quan trọng của các ngành, các cấp, bảo đảm khách quan, đúng quy định. Hoạt động thanh tra chuyên ngành tập trung vào những lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng, vấn đề gây bức xúc trong đời sống xã hội. Tăng cường phối hợp, hạn chế và xử lý kịp thời chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, không gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Không hình sự hóa quan hệ dân sự, kinh tế.

e) Đẩy mạnh, triển khai đồng bộ các chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; bảo vệ người phát hiện, tố giác, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; quy định về xử lý trách nhiệm người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, đơn vị; cơ chế kiểm soát

quyền lực, chống chạy chức, chạy quyền... Đổi mới hình thức, cách thức tuyên truyền, phổ biến về phòng, chống tham nhũng. Tăng cường theo dõi, đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí của các bộ, ngành, địa phương.

g) Tăng cường thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

h) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Luật tiếp công dân, Luật khiếu nại, Luật tố cáo, các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là Quy định số 11-QĐ/TW ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân. Thực hiện có hiệu quả công tác giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài.

10. Củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và thuận lợi cho phát triển đất nước

a) Chủ động làm tốt công tác nghiên cứu chiến lược; nắm, đánh giá, dự báo đúng tình hình, kịp thời tham mưu với Đảng, Nhà nước có chủ trương, đối sách và xử lý thắng lợi các tình huống, không để bị động, bất ngờ, nhất là những vấn đề phức tạp, nhạy cảm liên quan đến độc lập, chủ quyền, lợi ích quốc gia, dân tộc, biên giới, biển đảo, an ninh chính trị; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Tăng cường các nguồn lực thực hiện mục tiêu hiện đại hóa quân đội; bảo đảm quốc phòng, an ninh kết hợp chặt chẽ với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, nhất là trên các tuyến biên giới, biển đảo, địa bàn chiến lược, trọng điểm. Duy trì nghiêm công tác trực sẵn sàng chiến đấu, quản lý chặt chẽ vùng trời, vùng biển, biên giới, nội địa, các địa bàn trọng điểm và không gian mạng; bảo vệ an toàn hoạt động vùng kinh tế biển; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm - cứu nạn. Đẩy mạnh phòng, chống, trấn áp các loại tội phạm; tăng cường phòng chống cháy nổ, bảo đảm cuộc sống bình yên cho nhân dân, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an ninh, an toàn, lành mạnh. Triển khai có hiệu quả Luật Cư trú sửa đổi; sản xuất, cấp và quản lý Căn cước công dân gắn với việc chuyển đổi phương thức quản lý cư trú bằng hộ khẩu giấy sang quản lý bằng điện tử. Sớm hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

b) Bảo đảm tuyệt đối an ninh, an toàn các mục tiêu, sự kiện chính trị, văn hóa, đối ngoại quan trọng của đất nước, trọng tâm là bảo vệ an toàn tuyệt đối Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

c) Đẩy mạnh hội nhập quốc tế, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và thuận lợi cho phát triển đất nước. Thúc đẩy và làm sâu sắc quan hệ song phương với các nước và các đối tác, nâng tầm đối ngoại đa phương. Tiếp tục đảm nhiệm tốt vai trò ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp Quốc. Phát huy tốt vai trò tích cực, đi đầu trong ASEAN, tham gia chủ động, có trách nhiệm trên các diễn đàn quốc tế, khu vực khác. Tiếp tục quan tâm hỗ trợ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và triển khai hiệu quả công tác bảo hộ công dân. Tăng cường hợp tác quốc tế ứng phó đại dịch Covid-19. Đẩy mạnh và đổi

mới công tác thông tin đối ngoại, quảng bá hình ảnh của Việt Nam, tạo sự đồng thuận cao trong dư luận xã hội đối với hoạt động hội nhập quốc tế, nâng cao uy tín và vị thế của đất nước trên trường quốc tế.

11. Đẩy mạnh thông tin truyền thông, tạo niềm tin, đồng thuận xã hội; nâng cao hiệu quả công tác dân vận, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, tăng cường phối hợp công tác với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân

a) Tập trung thông tin tuyên truyền về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các sự kiện lớn, đặc biệt là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp. Chú trọng tuyên truyền, cổ vũ những gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến, vượt khó vươn lên, có tác động lan tỏa tích cực, khơi dậy lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc và khát vọng phát triển đất nước. Thực hiện nghiêm cơ chế phát ngôn, tăng cường kỷ cương hoạt động báo chí, kịp thời phản bác các quan điểm, tư tưởng sai trái, không để đối tượng thù địch lợi dụng. Đấu tranh ngăn chặn hiệu quả thông tin xấu, độc; xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng quyền tự do ngôn luận, vi phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

b) Tiếp tục phát huy hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị, nhất là vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể; thực hiện tốt công tác dân vận, quy chế dân chủ cơ sở, thông tin truyền thông, tạo đồng thuận xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra theo các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Quán triệt phương châm phát huy tối đa các mặt tích cực, kết quả đạt được trong những năm qua và khẩn trương khắc phục những mặt còn hạn chế, bất cập; theo chức năng, nhiệm vụ được giao, nghiêm túc triển khai thực hiện nhanh, hiệu quả, thực chất và toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại Kết luận Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, các Nghị quyết khác của Đảng, Quốc hội và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết này; chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của bộ, ngành, địa phương mình, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, tạo chuyển biến rõ nét ngay từ đầu năm; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện của Bộ, ngành, địa phương mình.

b) Trước ngày 20 tháng 01 năm 2021, xây dựng, ban hành Chương trình, Kế hoạch hành động, các văn bản cụ thể triển khai thực hiện Nghị quyết này và các phụ lục kèm theo; trong đó xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ (bao gồm nhiệm vụ chủ trì và nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan liên quan trong tổ chức thực hiện), tiến độ thực hiện và phân công đơn vị chủ trì, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 01 năm 2021.

c) Các bộ, cơ quan ngang Bộ theo dõi sát diễn biến trong nước và quốc tế,

chủ động phân tích, đánh giá, dự báo để có các giải pháp kịp thời, tổng thể, đồng bộ, tận dụng thời cơ, thuận lợi, giảm thiểu tác động tiêu cực đối với nền kinh tế và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; định kỳ hàng quý cập nhật kịch bản phát triển ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, cập nhật kịch bản tăng trưởng chung của quốc gia.

d) Nghiên cứu, xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và thực hiện những chính sách cụ thể để tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19 phù hợp với diễn biến thực tiễn xảy ra trong năm.

đ) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; định kỳ hằng quý, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu tại Phụ lục số 1 và Phụ lục số 3, các nhiệm vụ tại Phụ lục số 4, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 tháng cuối quý để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

e) Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 tháng 11 năm 2021 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ tại phiên họp Chính phủ tháng 12 năm 2021.

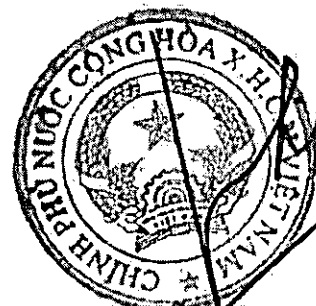
2. Các bộ, ngành tổng hợp, phụ trách theo dõi các lĩnh vực kinh tế vĩ mô có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong tham mưu, đề xuất các giải pháp, biện pháp cụ thể điều hành kinh tế vĩ mô, kịp thời báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và cơ quan liên quan đôn đốc, theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết này.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, các cơ quan thông tấn, báo chí, các bộ, ngành trung ương và địa phương tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Nghị quyết này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: Văn thư, KTTT (2b). 110

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Xuân Phúc



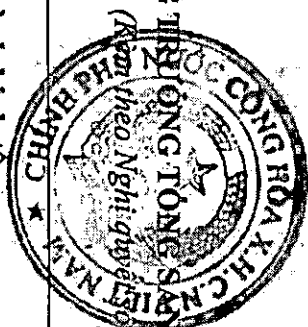
Phụ lục số 1

CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2021 Quốc hội giao	Mục tiêu phấn đấu năm 2021 của Chính phủ	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)	%	Khoảng 6	Khoảng 6,5	Bộ KHĐT
2	GDP bình quân đầu người	USD	Khoảng 3.700	Khoảng 3.700	Bộ KHĐT
3	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân	%	Khoảng 4	Khoảng 4	Bộ KHĐT
4	Tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng	%	Khoảng 45-47	Khoảng 45-47	Bộ KHĐT
5	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội	%	Khoảng 4,8	Khoảng 4,8	Bộ KHĐT
6	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	Khoảng 66	Khoảng 66	Bộ LĐTBXH
	- Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	Khoảng 25,5	Khoảng 25,5	
7	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	Khoảng 91	Khoảng 91	Bộ YT
8	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều	Điểm %	1 - 1,5	1 - 1,5	Bộ LĐTBXH

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2021 Quốc hội giao	Mục tiêu phấn đấu năm 2021 của Chính phủ	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
9	Tỷ lệ dân cư khu vực thành thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	Trên 90	Trên 90	Bộ XD
10	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị	%	Trên 87	Trên 87	Bộ TNMT
11	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	Khoảng 91	Khoảng 91	Bộ KHĐT
12	Tỷ lệ che phủ rừng	%	Khoảng 42	Khoảng 42	Bộ NNPTNT



PHỤ LỤC SỐ 2
KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) NĂM 2021 THEO GIÁ SƠ SÁNH 2010
(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ)

Đơn vị: %

TT	Ngành kinh tế	Kịch bản tăng trưởng GDP năm 2021							
		Quý I	Quý II	6 tháng	Quý III	9 tháng	Quý IV	Cả năm	
	Tổng sản phẩm trong nước (GDP)	5,12	7,11	6,22	6,71	6,43	6,67	6,50	
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	2,95	3,52	3,34	2,34	2,98	2,35	2,78	
2	Công nghiệp và xây dựng	7,11	9,75	8,56	8,97	8,77	10,08	9,00	
a)	Công nghiệp	7,33	10,25	8,91	8,97	8,93	10,55	9,45	
-	Khai khoáng	-4,44	-2,35	-3,28	-3,46	-3,34	-3,96	-3,56	
-	Công nghiệp chế biến, chế tạo	8,60	11,56	10,21	10,27	10,23	12,92	11,06	
-	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	9,17	13,40	11,30	9,81	10,74	10,33	10,60	
-	Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	8,15	13,83	11,22	9,10	10,41	10,24	10,36	
b)	Xây dựng	5,74	7,23	6,63	6,29	6,49	7,78	7,00	
3	Dịch vụ	4,27	6,31	5,33	4,86	5,15	6,15	5,48	
-	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	4,00	7,66	5,83	4,85	5,45	5,11	5,33	
-	Vận tải, kho bãi	3,01	10,96	7,08	4,03	5,86	5,43	5,72	
-	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	2,76	3,17	2,96	1,97	2,57	2,72	2,62	
-	Thông tin và truyền thông	4,31	4,38	4,35	4,42	4,37	7,73	5,44	
-	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	5,37	6,54	6,04	7,00	6,53	8,33	7,24	
4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	3,48	6,06	4,85	6,04	5,28	6,94	5,80	



Phụ lục số 3
MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỤ THỂ CHO CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC NĂM 2021
(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ)

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu phân đầu năm 2021	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô			
1	Tỷ lệ nợ xấu nội bảng	%	< 3	NHNNVN
2	Tỷ lệ nợ xấu nội bảng, nợ xấu đã bán cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), nợ đã thực hiện các biện pháp phân loại nợ (không bao gồm nợ xấu của các ngân hàng thương mại yếu kém, nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)	%	< 5	NHNNVN
3	Tỷ lệ động viên vào ngân sách nhà nước	%	15,5	Bộ TC
4	Tỷ lệ nợ đọng thuế	%	< 5	Bộ TC
5	Tăng thu so với dự toán ngân sách nhà nước	%	3	Bộ TC
6	Tỷ trọng chi thường xuyên (không bao gồm chi cải cách tiền lương và tính gián biên chế)	%	61,5	Bộ TC
7	Tỷ trọng chi đầu tư phát triển	%	28,3	Bộ TC
8	Bội chi ngân sách nhà nước so GDP	%	4	Bộ TC
9	Dư nợ công trên GDP	%	46,1	Bộ TC
10	Nợ Chính phủ trên GDP	%	41,9	Bộ TC
11	Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu	%	4-5	Bộ CT
12	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP	%	Khoảng 34,5	Bộ KHĐT

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2021	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
II	Một số chỉ tiêu về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy tăng trưởng			
13	Tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hoá	%	Phối thiêu 50	Bộ KH&CN
14	Chỉ số đổi mới sáng tạo quốc gia	Thứ hạng	Trong nhóm 03 quốc gia dẫn đầu của ASEAN	Bộ KH&CN
15	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	8	Bộ CT
16	Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	8	Bộ CT
17	Tăng trưởng thị trường thương mại điện tử B2C	%	20-22	Bộ CT
18	Tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử	%	55	Bộ CT
III	Một số chỉ tiêu về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng			
19	Điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống điện quốc gia	Tỷ Kwh	262-269	Bộ CT
	Tốc độ tăng	%	5,2-8,0	
20	Điện thương phẩm toàn hệ thống	Tỷ Kwh	226-232	Bộ CT
	Tốc độ tăng	%	5,6-8,3	
21	Diện tích nhà ở bình quân cả nước	m ² sản/người	25	Bộ XD
22	Tỷ lệ đô thị hóa	%	40,5-41,5	Bộ XD
23	Số thuê bao băng rộng cố định trên 100 dân	Thuê bao	18	Bộ TTTT
24	Số thuê bao băng rộng di động trên 100 dân	Thuê bao	82	Bộ TTTT
25	Tỷ lệ người sử dụng điện thoại thông minh trên số người sử dụng điện thoại di động	%	Trên 90	Bộ TTTT

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2021	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
26	Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang	%	60	Bộ TTTT
27	Tỷ lệ các thôn được phủ sóng di động hoặc internet	%	100	Bộ TTTT
28	Tỷ lệ xã có điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ	%	100	Bộ TTTT
29	Tỷ lệ hộ gia đình tiếp cận kênh truyền hình thiết yếu qua môi trường mạng	%	Trên 80	Bộ TTTT
30	Tỷ lệ sách xuất bản điện tử	%	10	Bộ TTTT
31	Tỷ lệ hộ gia đình có sử dụng ít nhất 1 thiết bị thông minh	%	Trên 95	Bộ TTTT
32	Tỷ lệ người sử dụng Internet	%	71	Bộ TTTT
33	Số doanh nghiệp công nghệ số trên một nghìn dân	Doanh nghiệp	0,7	Bộ TTTT
IV	Một số chỉ tiêu về phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, xây dựng nông thôn mới; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội			
34	Đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người	90.000	Bộ LĐTBXH
35	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội	%	35	Bộ LĐTBXH
36	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo thất nghiệp	%	28	Bộ LĐTBXH
37	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe	%	60	Bộ YT
38	Tuổi thọ trung bình (tính từ lúc sinh)	Tuổi	73,8	Bộ YT
39	Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh	Số bé trai/100 bé gái	111,4	Bộ YT
40	Số giường bệnh viện trên 10.000 dân	Giường	28,5	Bộ YT
41	Số bác sỹ trên 10.000 dân	Bác sỹ	9,2	Bộ YT
42	Số dược sỹ đại học trên 10.000 dân	Người	3,0	Bộ YT
43	Số điều dưỡng trên 10.000 dân	Người	13,0	Bộ YT

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu phân đầu năm 2021	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
44	Tỷ số tử vong mẹ trên một trăm nghìn trẻ đẻ sống	Người	45,5	Bộ YT
45	Tỷ suất tử vong trẻ em < 1 tuổi (trên 1.000 trẻ đẻ sống)	‰	13,7	Bộ YT
46	Tỷ suất tử vong của trẻ em < 5 tuổi (trên 1.000 trẻ đẻ sống)	‰	20,4	Bộ YT
47	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân của trẻ em dưới 5 tuổi (cân nặng theo tuổi)	%	11,7	Bộ YT
48	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi (chiều cao/tuổi)	%	21	Bộ YT
49	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng mở rộng đầy đủ các loại vắc xin	%	>95	Bộ YT
50	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2021-2030	%	50	Bộ YT
51	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ làm việc	%	93	Bộ YT
52	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%	>80	Bộ YT
53	Tỷ lệ người lao động có nguy cơ được quản lý và khám phát hiện bệnh nghề nghiệp	%	25	Bộ YT
54	Tỷ lệ chất thải y tế của bệnh viện được xử lý đạt quy chuẩn	%	91	Bộ YT
55	Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ	%	30	Bộ GDĐT
56	Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo	%	92	Bộ GDĐT
57	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2	Số tỉnh	63	Bộ GDĐT
58	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3	Số tỉnh	21	Bộ GDĐT
59	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 1)	Số tỉnh	50	Bộ GDĐT
60	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 2)	Số tỉnh	37	Bộ GDĐT

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu phần đầu năm 2021	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
61	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 3)	Số tỉnh	13	Bộ GDĐT
62	Tỷ lệ lượt người được tham gia đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở giáo dục thường xuyên	%	45	Bộ GDĐT
63	Kết quả đạt chuẩn xóa mù chữ (tỉnh đạt chuẩn mức độ 1)	Số tỉnh	40	Bộ GDĐT
64	Kết quả đạt chuẩn xóa mù chữ (tỉnh đạt chuẩn mức độ 2)	Số tỉnh	60	Bộ GDĐT
65	Tỷ lệ giảng viên đại học có bằng tiến sỹ	%	28	Bộ GDĐT
66	Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	91	Bộ NNPTNT
67	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	%	68	Bộ NNPTNT
68	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới	%	75	Bộ NNPTNT
69	Số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	Đơn vị	193	Bộ NNPTNT
70	Ngăn chặn, xử lý nghiêm, kịp thời các thông tin xấu, độc, sai sự thật mà phát hiện và xác minh được trên mạng xã hội	%	85-90	Bộ TTTT
V	Một số chỉ tiêu về cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh			
71	Chỉ số cải cách hành chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ bình quân cả nước (Par-Index)	%	85,5	Bộ NV
72	Chỉ số cải cách hành chính của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bình quân cả nước (Par-Index)	%	82	Bộ NV
73	Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước bình quân cả nước (SIPAS)	%	86	Bộ NV

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2021	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
74	Tỷ lệ tinh giản biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước	%	giảm ít nhất là 10% so với số biên chế công chức được giao năm 2015 (của khối Chính phủ quản lý)	Bộ NV
75	Tỷ lệ tinh giản biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước	%	giảm ít nhất là 10% so với số lượng người làm việc được giao năm 2015 (của khối Chính phủ quản lý)	Bộ NV
76	Tỷ lệ các bộ, ngành, địa phương triển khai đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính	%	30	VPCP
77	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các bộ, ngành, địa phương lên Cổng Dịch vụ công quốc gia tăng thêm so với năm 2020.	%	20	VPCP

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2021	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
78	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công.	%	25	VPCP
79	Tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	%	50	VPCP
80	Tỷ lệ cung cấp thanh toán trực tuyến đối với các khoản thuế nội địa trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	%	100	VPCP
81	Tỷ lệ các bệnh viện từ hạng 2 trở lên cung cấp thanh toán viện phí trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	%	50	VPCP
82	Tỷ lệ các trường đại học, cao đẳng, trung cấp cung cấp thanh toán học phí trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	%	30	VPCP
83	Tỷ lệ đơn vị cấp xã cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	%	35	VPCP
84	Tỷ lệ bộ, ngành, địa phương thực hiện đồng bộ đầy đủ kết quả xử lý hồ sơ thủ tục hành chính	%	100	VPCP
85	Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ thủ tục hành chính của bộ, ngành, địa phương được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	%	100	VPCP
86	Tỷ lệ hồ sơ của hệ thống một cửa điện tử của bộ, ngành, địa phương được đồng bộ trạng thái trên Cổng Dịch vụ công quốc gia phục vụ việc theo dõi, giám sát, đánh giá.	%	100	VPCP
87	Tỷ lệ Hệ thống thông tin báo cáo và phân mềm các chế độ báo cáo của bộ, ngành, địa phương được xây dựng, triển khai và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.	%	100	VPCP

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu phần đầu năm 2021	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
88	Tỷ lệ các chế độ báo cáo thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được triển khai trên Hệ thống thông tin báo cáo của bộ, ngành, địa phương và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.	%	50	VPCP
89	Tỷ lệ các chế độ báo cáo thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương không phải báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được triển khai trên Hệ thống thông tin báo cáo của bộ, ngành, địa phương.	%	50	VPCP
90	Tỷ lệ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành; Bộ phận Một cửa cấp bộ, cấp tỉnh kết nối, tích hợp với Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	%	100	VPCP
91	Tỷ lệ các chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2021 cung cấp, tích hợp trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.	%	100	VPCP
92	Tỷ lệ các vụ, cục và tương đương thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xử lý văn bản, hồ sơ công việc (trừ hồ sơ mật) trên môi trường mạng	%		VPCP
	<i>Đối với các vụ, cục và tương đương thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.</i>	%	100	VPCP
	<i>Đối với các sở, ngành và tương đương thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</i>	%	100	VPCP
	<i>Đối với các phòng, ban và tương đương thuộc UBND cấp huyện.</i>	%	80	VPCP
93	Tỷ lệ các địa phương triển khai Hệ thống thông tin hợp và xử lý công việc của HĐND và UBND cấp tỉnh.	%	50	VPCP

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2021	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
94	Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa quy định; chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại các văn bản đang có hiệu lực thi hành tính đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2020	%	10-15	VPCP
95	Tỷ lệ về số lượng gói thầu thực hiện đấu thầu qua mạng ¹	%	70	Bộ KHĐT
96	Tỷ lệ về giá trị gói thầu thực hiện đấu thầu qua mạng ²	%	35	Bộ KHĐT

¹ Tính trên tổng số lượng gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh và đấu thầu rộng rãi đủ điều kiện áp dụng đấu thầu qua mạng.

² Tính trên tổng giá trị gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh và đấu thầu rộng rãi đủ điều kiện áp dụng đấu thầu qua mạng.



Phụ lục số 4

MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ CHO CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ)

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Nhóm nhiệm vụ về công tác xây dựng, thi hành hệ thống pháp luật, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng thuận lợi tạo điều kiện phục hồi và thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn, nâng cao khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế		
1	Nghị định ban hành quy chế làm việc của Chính phủ (sửa đổi)	Năm 2021	VPCP
2	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh của Bộ, cơ quan ngang Bộ	Lần 1: Trước 31/5/2021; Lần 2: Trước 30/9/2021	VPCP
3	Nghị định quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn (thay thế Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn và Nghị định số 56/2016/NĐ-CP ngày 29/6/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP)	Tháng 6	Bộ TP
4	Nghị định về đăng ký biện pháp bảo đảm	Tháng 11	Bộ TP
5	Nghị định thay thế Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 về thanh toán không dùng tiền mặt	Tháng 3	NHNNVN

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
6	Nghị định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính (Fintech) trong lĩnh vực ngân hàng	Quý IV	NHNNVN
7	Nghị định của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	Quý IV	NHNNVN
8	Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31/3/2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước	Tháng 3	Bộ TC
9	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 96/2018/NĐ-CP quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	Tháng 6	Bộ TC
10	Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng nhà, đất phục vụ hoạt động đối ngoại của nhà nước	Tháng 6	Bộ TC
11	Nghị định quy định về cơ chế quản lý, phương thức, trình tự, thủ tục kiểm tra chất lượng và kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu	Tháng 6	Bộ TC
12	Nghị định về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập và chuyển nhượng vốn nhà nước	Quý I	Bộ TC
13	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan	Tháng 9	Bộ TC
14	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí	Tháng 7	Bộ TC

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
15	Nghị định quy định thực hiện kết nối và chia sẻ thông tin trong lĩnh vực xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh hàng hóa, người và phương tiện vận tải theo cơ chế một cửa quốc gia	Tháng 12	Bộ TC
16	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 03/2017/NĐ-CP ngày 16/1/2017 của Chính phủ về kinh doanh casino	Tháng 12	Bộ TC
17	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2017/NĐ-CP ngày 24/1/2017 của Chính phủ về kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó và bóng đá quốc tế	Tháng 12	Bộ TC
18	Nghị định thay thế Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài	Tháng 12	Bộ TC
19	Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công	Tháng 3	Bộ TC
20	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 53/2013/QĐ-TTg và Quyết định số 10/2018/QĐ-TTg về việc tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng đối với ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam	Tháng 1	Bộ TC
21	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 22/2019/QĐ-TTg ngày 26/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp	Tháng 12	Bộ TC
22	Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn 2021 - 2025	Tháng 7	Bộ TC
23	Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022	Tháng 7	Bộ TC
24	Kế hoạch vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Tháng 10	Bộ TC

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
25	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội trong giai đoạn mới (thay thế Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 trong giai đoạn 2017-2020)	Tháng 7	Bộ TC
26	Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nợ công	Tháng 12	Bộ TC
27	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về danh mục tài sản cụ thể phải mua bảo hiểm cho rủi ro bão, lũ, lụt và lộ trình thực hiện	Tháng 12	Bộ TC
28	Đề án sửa đổi cơ chế phân cấp quản lý ngân sách nhà nước, đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương và tính chủ động của ngân sách địa phương, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025	Quý IV	Bộ TC
29	Đề án định hướng cải thiện công tác xếp hạng tín nhiệm quốc gia thời kỳ 2021 - 2025	Tháng 11	Bộ TC
30	Nghị định quy định về việc cho phép tính vào chi phí được trừ của doanh nghiệp, tổ chức các khoản chi ủng hộ, tài trợ cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	Tháng 1	Bộ TC
31	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê (theo quy trình rút gọn)	Tháng 6	Bộ KHĐT
32	Đánh giá định lượng về tác động của EVFTA sau đại dịch Covid đối với các mặt kinh tế - xã hội cũng như các ngành cụ thể, kiến nghị các biện pháp ứng phó phù hợp	Quý IV	Bộ KHĐT
33	Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2030	Tháng 8	Bộ KHĐT

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
34	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương	Quý III	Bộ KHĐT
35	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế	Quý III	Bộ KHĐT
36	Nghị định sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử.	Quý I	Bộ CT
37	Nghị định "Sản xuất tại Việt Nam"	Quý IV	Bộ CT
38	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ	Quý IV	Bộ CT
39	Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia	Quý III	Bộ CT
40	Nghị định của Chính phủ về quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)	Quý IV	Bộ CT
41	Nghị định sửa đổi Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh bất động sản	Tháng 9	Bộ XD
42	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở	Tháng 6	Bộ XD

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
43	Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in	Quý IV	Bộ TTTT
44	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật bưu chính	Quý IV	Bộ TTTT
45	Nghị định sửa đổi Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Nghị định số 27/2018/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng	Quý IV	Bộ TTTT
46	Nghị định hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS)	Tháng 5	Bộ YT
47	Hồ sơ Dự án Luật Khám bệnh, chữa bệnh (sửa đổi)	Tháng 10	Bộ YT
48	Hồ sơ Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ	Tháng 6	Bộ KH-CN
49	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 27/2019/NĐ-CP ngày 13/03/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết Luật đo đạc và bản đồ	Tháng 6	Bộ TN-MT
50	Hồ sơ Dự án Luật thi đua khen thưởng (sửa đổi)	Tháng 4	Bộ NV
51	Nghị định của Chính phủ về hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính và cơ chế hợp đồng lao động làm chuyên môn, nghiệp vụ đối với vị trí việc làm được xác định là viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập	Quý IV	Bộ NV
52	Đề án Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ngành nội vụ giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Tháng 12	Bộ NV

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
53	Hồ sơ Dự án Luật Thanh tra (sửa đổi)	Tháng 5	Thanh tra Chính phủ
54	Nghị định sửa đổi Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng	Tháng 8	Thanh tra Chính phủ
II	Nhóm nhiệm vụ về cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, thúc đẩy tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, chuyển đổi số, phát triển nền kinh tế số, phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, nâng cao năng lực nội tại, tinh tự chủ và sức cạnh tranh của nền kinh tế		
55	Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2021 - 2025	Tháng 6	NHNNVN
56	Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 - 2025	Tháng 9	NHNNVN
57	Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045	Tháng 4	Bộ KHĐT
58	Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025	Tháng 5	Bộ KHĐT
59	Xây dựng Chương trình hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp Việt Nam	Tháng 9	Bộ KHĐT
60	Báo cáo Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025	Quý I	Bộ KHĐT
61	Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030 và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2021 - 2025	Tháng 5	Bộ KHĐT
62	Nghị quyết của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2021 - 2025	Tháng 9	Bộ KHĐT

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
63	Đề án hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Quý IV	Bộ KHĐT
64	Đề án Phát triển giống cây lâm nghiệp	Quý IV	Bộ NNPTNT
65	Chương trình quốc gia bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	Quý II	Bộ NNPTNT
66	Đề án phát triển ngành chế biến thủy hải sản	Quý I	Bộ NNPTNT
67	Đề án Phát triển Nuôi biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Quý I	Bộ NNPTNT
68	Đề án phát triển đồng quản lý trong bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	Quý IV	Bộ NNPTNT
69	Đề án "Phát triển sản xuất và tiêu thụ cá tra Vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2031 định hướng đến năm 2045"	Quý IV	Bộ NNPTNT
70	Đề án Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thu thập thông tin, dự báo tình hình thị trường nông sản	Quý III	Bộ NNPTNT
71	Đề án chuẩn hóa chất lượng, an toàn thực phẩm và gia tăng chuỗi cung ứng nông lâm thủy sản giai đoạn 2021 - 2025	Quý IV	Bộ NNPTNT
72	Đề án Hợp tác xã nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông Cửu Long	Quý IV	Bộ NNPTNT
73	Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025	Quý IV	Bộ NNPTNT
74	Nghị quyết của Chính phủ về phát triển hợp tác xã nông nghiệp phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới	Quý IV	Bộ NNPTNT
75	Đề án phát triển ngành chế biến rau, củ, quả giai đoạn 2021 - 2030	Quý II	Bộ NNPTNT
76	Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ bền vững, hiệu quả giai đoạn 2021 - 2025	Quý II	Bộ NNPTNT

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
77	Chương trình triển khai chủ trương trồng 1 tỷ cây xanh trong 5 năm tới	Năm 2021	Bộ NNPTNT
78	Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn 2021 - 2030	Quý IV	Bộ CT
79	Chiến lược phát triển ngành công nghiệp than Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Quý IV	Bộ CT
80	Chiến lược phát triển ngành Dệt may và Da giày Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035	Quý IV	Bộ CT
81	Chương trình phát triển công nghiệp CNTT, điện tử - viễn thông đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư	Quý IV	Bộ TTTT
82	Đề án phát triển kinh tế số Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Quý IV	Bộ TTTT
III	Nhóm nhiệm vụ về huy động và sử dụng các nguồn lực, xây dựng quy hoạch và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội trọng điểm, tăng cường liên kết vùng, phát triển kinh tế vùng, kinh tế biển, phát triển đô thị và nông thôn		
83	Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Tháng 5	Bộ KHĐT
84	Đề án về Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ giai đoạn 2021 - 2030 thực hiện đột phá chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước theo tinh thần Nghị quyết số 13-NQ/TW	Tháng 9	Bộ KHĐT
85	Báo cáo về nghiên cứu giải pháp thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong bối cảnh thực thi Hiệp định EVFTA	Quý IV	Bộ KHĐT
86	Đề án của Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Quý IV	Bộ KHĐT

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
87	Đề án phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh thời kỳ đến năm 2030	Tháng 12	Bộ KHĐT
88	Báo cáo nghiên cứu, xây dựng các quy định khắc phục tình trạng "vốn mòng", đầu tư "chui", đầu tư "núp bóng"	Tháng 12	Bộ KHĐT
89	Đề án bảo tồn và phát triển làng nghề giai đoạn 2021 - 2025	Quý IV	Bộ NNPTNT
90	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025	Quý IV	Bộ NNPTNT
91	Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp (tỉnh, huyện, xã) theo các mức độ (đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu) giai đoạn 2021 - 2025	Quý IV	Bộ NNPTNT
92	Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025	Quý IV	Bộ NNPTNT
93	Đề án về tăng cường bảo vệ môi trường nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025	Quý IV	Bộ NNPTNT
94	Đề án Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến 2030	Quý IV	Bộ NNPTNT
95	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025	Quý IV	Bộ NNPTNT
96	Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Năm 2021	Bộ NNPTNT
97	Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, có xét đến năm 2045	Tháng 1	Bộ CT
98	Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quý I	Bộ CT

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
99	Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quý IV	Bộ CT
100	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035	Tháng 10	Bộ XD
101	Quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quyết định số 27/2015/QĐ-TTg ngày 10/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chuẩn nhà ở công vụ	Tháng 12	Bộ XD
102	Quyết định phê duyệt Định hướng Kiến trúc Việt Nam	Tháng 6	Bộ XD
103	Quy hoạch hạ tầng Thông tin và Truyền thông quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quý IV	Bộ TTTT
104	Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quý IV	Bộ TTTT
105	Tờ trình của Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội xem xét thông qua chủ trương đầu tư các đoạn còn lại trên tuyến Bắc - Nam	Năm 2021	Bộ GTVT
106	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Tháng 11	Bộ YT
107	Nghị định của Chính phủ quy định về vay vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết, thuê tài sản, thuê đơn vị cung ứng dịch vụ đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế - dân số	Quý I	Bộ YT
108	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học và sư phạm	Tháng 12	Bộ GDĐT
109	Quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quý IV	Bộ KH-CN

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
110	Quy hoạch mạng lưới các tổ chức khoa học và công nghệ công lập	Quý IV	Bộ KHCHN
111	Quy hoạch mạng lưới trạm Khí tượng thủy văn quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 12	Bộ TNMT
112	Quy hoạch Tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 12	Bộ TNMT
113	Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Nội vụ	Quý IV	Bộ NV
114	Đề án Định hướng huy động các nguồn lực xã hội đầu tư kết cấu hạ tầng hàng không	Quý I	Bộ GTVT
IV	Nhóm nhiệm vụ về nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ		
115	Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam	Tháng 12	Bộ KHĐT
116	Đề án đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn	Quý IV	Bộ NNPTNT
117	Đề án nâng cao nhận thức, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Quý IV	Bộ TTTT
118	Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 - 2030	Quý IV	Bộ KHCHN
119	Đề án "Kế hoạch phát triển Khu công nghệ cao Hòa Lạc giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến 2030"	Quý IV	Bộ KHCHN
V	Nhóm nhiệm vụ về phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội		
120	Nghị quyết của Quốc hội về giảm nghèo bao trùm đến năm 2030	Quý IV	Bộ LĐTBXH
121	Chương trình mục tiêu quốc gia về Giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021 - 2025	Quý IV	Bộ LĐTBXH

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
122	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí huyện nghèo và tiêu chí xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025	Quý IV	Bộ LĐTBXH
123	Đề án liên kết cơ sở đào tạo nghề với doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để đào tạo, chuẩn bị nguồn lao động	Năm 2021	Bộ LĐTBXH
124	Đề án đưa lao động kỹ thuật, lao động qua đào tạo nghề đi làm việc theo hợp đồng ở các thị trường nước ngoài có thu nhập cao	Năm 2021	Bộ LĐTBXH
125	Đề án chuyển đổi số và dạy học trực tuyến trong giáo dục nghề nghiệp	Tháng 12	Bộ LĐTBXH
126	Đề án thí điểm đào tạo trình độ cao đẳng cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở	Tháng 12	Bộ LĐTBXH
127	Đề án thí điểm đào tạo nâng cao kỹ năng nghề của người lao động đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư	Tháng 12	Bộ LĐTBXH
128	Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp, quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ chế tự chủ của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Năm 2021	Bộ LĐTBXH
129	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nghiên cứu phát triển vắc xin phòng COVID-19	Tháng 6	Bộ YT
130	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2040	Tháng 12	Bộ YT
131	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ chính sách cho cán bộ y tế cơ sở, y tế dự phòng	Tháng 9	Bộ YT
132	Đề án đào tạo nhân lực y tế vùng khó khăn giai đoạn 2021 - 2030	Quý I	Bộ YT
133	Đề án phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2021 - 2030	Tháng 11	Bộ GDĐT

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
134	Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	Tháng 7	Bộ GDĐT
135	Đề án nâng cao chất lượng dạy học các môn tiếng dân tộc thiểu số trong chương trình giáo dục phổ thông	Tháng 12	Bộ GDĐT
136	Đề án Xây dựng "Xã hội học tập" giai đoạn 2021 - 2030	Quý II	Bộ GDĐT
137	Báo cáo việc tiếp tục triển khai Quyết định số 174/QĐ-TTg, ngày 09/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo giai đoạn 2017 - 2020	Tháng 3	Bộ NV
138	Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030	Tháng 3	Bộ NV
139	Báo cáo kết quả sơ kết 3 năm triển khai thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo và kiến nghị, đề xuất	Tháng 8	Bộ NV
140	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025	Tháng 3	Ủy ban Dân tộc
141	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030	Tháng 12	Ủy ban Dân tộc
142	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	Tháng 6	Ủy ban Dân tộc

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
143	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	Tháng 6	Ủy ban Dân tộc
144	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021 - 2025	Tháng 6	Ủy ban Dân tộc
VI	Nhóm nhiệm vụ về quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai		
145	Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030	Tháng 6	Bộ KHĐT
146	Đề án Thí điểm cho thuê môi trường rừng để nuôi trồng, phát triển cây dược liệu	Quý IV	Bộ NNPTNT
147	Đề án tăng cường năng lực quản lý hệ thống khu bảo tồn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030	Quý IV	Bộ NNPTNT
148	Đề án thành lập mới các khu bảo tồn biển, phục hồi các hệ sinh thái biển đến năm 2025, để đảm bảo diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt 3% diện tích các vùng biển Việt Nam	Quý IV	Bộ NNPTNT
149	Chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030	Quý IV	Bộ NNPTNT
150	Đề án An ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Quý II	Bộ NNPTNT
151	Chiến lược quốc gia cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2045	Quý II	Bộ NNPTNT
152	Chương trình tổng thể Phòng, chống thiên tai quốc gia	Quý II	Bộ NNPTNT
153	Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.	Năm 2021	Bộ NNPTNT

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
154	Kế hoạch hành động quốc gia về Bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước ở Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030	Tháng 5	Bộ TNMT
155	Chiến lược quốc gia về Đa dạng sinh học giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2040	Tháng 10	Bộ TNMT
156	Đề án kiểm kê, quan trắc, lập báo cáo và xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2040	Tháng 10	Bộ TNMT
157	Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Tháng 11	Bộ TNMT
158	Đề án Việt Nam chủ động tham gia đàm phán và xây dựng Thỏa thuận toàn cầu về chống rác thải nhựa đại dương	Tháng 6	Bộ TNMT
159	Quyết định thay thế Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai	Tháng 3	Bộ TNMT
160	Quyết định thay thế Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 13/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai	Tháng 3	Bộ TNMT
161	Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia giai đoạn đến năm 2025	Tháng 10	Bộ TNMT
162	Đề án Điều tra, đánh giá, lập bản đồ tài nguyên nước tỷ lệ 1:100.000 lãnh thổ Việt Nam	Tháng 11	Bộ TNMT
163	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu.	Tháng 10	Bộ TNMT
164	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam.	Tháng 11	Bộ TNMT
165	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Hỗ trợ thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam	Tháng 12	Bộ TNMT

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
VII	Nhóm nhiệm vụ về tổ chức bộ máy, cải cách hành chính, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, giải quyết khiếu nại tố cáo		
166	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến ưu tiên tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Tháng 3	VPCP
167	Quyết định sửa đổi, bổ sung các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật	Tháng 5	Bộ TP
168	Quyết định ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021 - 2025	Tháng 9	Bộ TC
169	Nghị định thay thế Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư	Tháng 9	Bộ KHĐT
170	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước	Quý IV	Bộ TTTT
171	Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ quy định về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước	Quý IV	Bộ TTTT
172	Chiến lược dữ liệu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	Quý IV	Bộ TTTT
173	Báo cáo Tổng kết thực hiện Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	Năm 2021	Bộ NV
174	Chương trình tổng thể Cải cách hành chính	Năm 2021	Bộ NV

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
175	Nghị định thay thế Nghị định số 90/2012/NĐ-CP ngày 05/11/2012 của Chính phủ về tổ chức các hoạt động thanh tra ngành Nội vụ	Quý IV	Bộ NV
176	Đề án Đào tạo đội ngũ cán bộ cấp xã tại chỗ, kết hợp tăng cường tri thức trẻ trong phát triển bền vững khu vực biên giới	Tháng 11	Bộ NV
177	Đề án Cơ sở dữ liệu của ngành nội vụ	Tháng 11	Bộ NV
178	Đề án Bảo hiểm tài liệu lưu trữ quốc gia giai đoạn II (2021 - 2030)	Tháng 10	Bộ NV
179	Đề án Công bố tài liệu lưu trữ quốc gia phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ chủ quyền đất nước	Tháng 11	Bộ NV
180	Đề án Kiến toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước lĩnh vực văn thư, lưu trữ đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung thống nhất tài liệu lưu trữ điện tử của các cơ quan nhà nước	Tháng 5	Bộ NV
181	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn	Tháng 9	Thanh tra Chính phủ
182	Nghị quyết của Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng đến năm 2030	Tháng 12	Thanh tra Chính phủ
VIII	Nhóm nhiệm vụ về bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế		
183	Chương trình quốc gia về phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy, phòng chống mua bán người giai đoạn 2021 - 2025	Năm 2021	Bộ CA
184	Chiến lược an toàn, an ninh mạng quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030	Quý IV	Bộ CA
185	Đề án xây dựng nền công nghiệp an toàn, an ninh mạng Việt Nam	Quý IV	Bộ CA
IX	Nhóm nhiệm vụ về thông tin, truyền thông tạo niềm tin, đồng thuận xã hội		
186	Đề án tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đặc thù cho người khuyết tật	Tháng 9	Bộ TP

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
187	Đề án tổ chức thông tin, phổ biến về chính sách quan trọng trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật để tạo đồng thuận xã hội	Tháng 12	Bộ TP
188	Chương trình truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030	Tháng 9	Bộ LĐTBXH